

CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH ĐỊNH**Chương: 426****ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-CCBVM ngày tháng năm 2020 của Chi cục Bảo vệ Môi trường)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh
1	2			3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí	750,00	565,00	1.315,00
1	Lệ phí:	0,00		0,00
	Lệ phí...			
	Lệ phí...			
2	Phí:	750,00	565,00	1.315,00
	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	200,00	100,00	300,00
	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM)	500,00	500,00	1.000,00
	Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường	50,00	-35,00	15,00
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại (kể cả tiết kiệm 40% để tạo nguồn CCTL)	595,00	493,00	1.088,00
	Chi quản lý hành chính	595,00	493,00	1.088,00
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	595,00	493,00	1.088,00
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0,00	0,00	0,00
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	155,00	72,00	227,00
1	Lệ phí	0,00	0,00	0,00
2	Phí	155,00	72,00	227,00
	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	150,00	75,00	225,00
	Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường	5,00	-3,00	2,00
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	3.525,00	-131,00	3.394,00
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.525,00	-131,00	3.394,00
1	Chi quản lý hành chính (341)	1.841,00	0,00	1.841,00
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.749,00	0,00	1.749,00
	- Quản lý nhà nước. Trong đó:	1.749,00	0,00	1.749,00
	+ Tiền lương và các khoản trích theo lương	1.256,00	0,00	1.256,00
	+ Kinh phí hoạt động	444,00	0,00	444,00
	+ Tiết kiệm 10% cải cách tiền lương tại đơn vị đối với kinh phí tự chủ	49,00	0,00	49,00
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	92,00	0,00	92,00
	- Hỗ trợ chi hoạt động chuyên môn	83,00	0,00	83,00
	- Mua sắm phần mềm quản lý tài sản	9,00	0,00	9,00
	- Mua sắm, sửa chữa	0,00	0,00	0,00
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở			

Số TT	Nội dung	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh
1	2			3
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	1.684,00	-131,00	1.553,00
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.684,00	-131,00	1.553,00
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			0,00
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (278)	1.684,00	-131,00	1.553,00
	+ Nghiệp vụ bảo vệ môi trường và giám sát môi trường, đa dạng sinh học. Trong đó:	1.684,00	-131,00	1.553,00
	* Tuyên truyền hưởng ứng 02 sự kiện: Ngày môi trường thế giới 5/6; Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn	87,00	-7,00	80,00
	* Phối hợp với Hội Đoàn thể triển khai mô hình bảo vệ môi trường	123,00	-10,00	113,00
	* Tập huấn về BVMT và bảo tồn đa dạng sinh học cho cán bộ làm công tác quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh	0,00	0,00	0,00
	* Lớp tập huấn về BVMT và bảo tồn đa dạng sinh học cho cán bộ làm công tác quản lý môi trường tại các Doanh nghiệp	0,00	0,00	0,00
	* Kiểm tra và giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường theo nội dung ĐTM đã được phê duyệt	64,00	-37,00	27,00
	* Điều chỉnh quy định phân vùng phát thải và xả khí thải theo Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 06/4/2016 của UBND tỉnh	498,00	-18,00	480,00
	* Kiểm tra kiểm soát ô nhiễm	60,00	-20,00	40,00
	* Xây dựng mô hình thí điểm truyền thông môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học ở cấp xã của khu bảo tồn thiên nhiên An Toàn	350,00	0,00	350,00
	* Điều tra, thống kê định kỳ các HST, các loài động vật, thực vật đặc hữu có giá trị khoa học, kinh tế hoặc đang có nguy cơ tuyệt chủng tại Đầm Thị Nại, Đầm Trà Ô	496,00	-37,00	459,00
	* Kinh phí duy trì hệ thống quản lý dữ liệu quan trắc tự động các nguồn thải	6,00	-2,00	4,00

Số TT	Nội dung	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh
1	2			3
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
11	Sử dụng nguồn cải cách tiền lương và nguồn thu tại đơn vị để chi trả lương cho số biên chế được UBND tỉnh giao	385,00	0,00	385,00
II	Nguồn vốn viện trợ			
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Dự án A			
1.2	Dự án B			
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
2.1	Dự án A			
2.2	Dự án B			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
3.1	Dự án A			
3.2	Dự án B			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Dự án A			
4.2	Dự án B			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Dự án A			
5.2	Dự án B			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Dự án A			
6.2	Dự án B			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Dự án A			
7.2	Dự án B			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Dự án A			
8.2	Dự án B			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Dự án A			
9.2	Dự án B			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Dự án A			
10.2	Dự án B			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài			
1	Chi quản lý hành chính			
1.1	Dự án A			

Số TT	Nội dung	Dự toán đã giao	Dự toán điều chỉnh: Tăng (+)/ giảm (-)	Dự toán sau điều chỉnh
1	2			3
1.2	Dự án B			
2	Chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ			
2.1	Dự án A			
2.2	Dự án B			
3	Chỉ sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
3.1	Dự án A			
3.2	Dự án B			
4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Dự án A			
4.2	Dự án B			
5	Chỉ bảo đảm xã hội			
5.1	Dự án A			
5.2	Dự án B			
6	Chỉ hoạt động kinh tế			
6.1	Dự án A			
6.2	Dự án B			
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Dự án A			
7.2	Dự án B			
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Dự án A			
8.2	Dự án B			
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Dự án A			
9.2	Dự án B			
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Dự án A			
10.2	Dự án B			